

Bản án số: **24/2023/KDTMST**

Ngày: 14/07/2023

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng mua bán
hàng hóa*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Lương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu Văn Thiệm**

Bà **Bùi Thị Minh Hoa**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy: Bà **Vũ Lan Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 35/2023/TLST-KDTM ngày 17/04/2023 về việc Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXXST-KDTM ngày 01/06/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2023/QĐST-DS ngày 19/06/2023 giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH M

Trụ sở chính: Nhà xưởng X, Lô P. KCN Đ, phường B, thị xã D, tỉnh H, Việt Nam;
Đại diện theo pháp luật: Ông **Choi Sang J** - Chức vụ: Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Bà **Trương Thị L** - Chức vụ: Nhân viên công ty - Theo Giấy ủy quyền ngày 17/01/2022.
(Bà Lý có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH I

Trụ sở: Số 18 N, phường T, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông **Choi C** - Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn S – sinh năm 1984

Địa chỉ: C, phường T1, quận N, Thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

2/ Bà Phạm Thị Mỹ H – sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 9, ngách 43, ngõ 68, đường P, phường P, quận B, Thành phố Hà Nội.
(Vắng mặt)

NHẬN THẤY

Ngày 26/10/2021 Công ty TNHH M (trong bản án gọi tắt là Công ty M) nộp đơn khởi kiện Công ty TNHH I (trong bản án gọi tắt là Công ty I) về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa để yêu cầu Công ty I thanh toán cho Công ty M toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi theo các Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/II-M/20 ngày 01/02/2020 và Phụ lục

hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 24/05/2020 được ký kết giữa hai bên là: 625.719.230 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm mười chín nghìn, hai trăm ba mươi đồng).

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 01/01/2020, Công ty M và Công ty I ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/ILHO-MIRETECH/20. Theo đó Công ty M sẽ bán cho Công ty I các phụ kiện F cho dự án trụ sở V, G, Hà Nội.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty M đã bàn giao đầy đủ hàng hóa và giấy tờ theo quy định của hợp đồng. Đại diện hai bên đã ký biên bản bàn giao theo từng đơn hàng và biên bản đối chiếu công nợ ngày 11/09/2020.

Kể từ ngày hai bên chốt công nợ, đến thời điểm hiện tại, Công ty I đã trốn tránh nghĩa vụ thanh toán tiền cho Công ty M, mặc dù Công ty M đã tìm mọi cách để liên hệ yêu cầu Công ty I thực hiện nghĩa vụ thanh toán (như gọi điện thoại, gửi công văn,..)

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/I-M/20 ngày 01/02/2020 (bao gồm số tiền gốc 582.064.400 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 12/09/2020 tới thời điểm hiện tại)

Đại diện theo pháp luật của bị đơn – ông Choi C vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Anh Nguyễn Văn S, chị Phạm Thị Mỹ H trình bày:

Khoảng cuối năm 2018, chúng tôi (Nguyễn Văn S, và Phạm Thị Mỹ H) vào làm việc tại Công ty I. Quá trình làm việc tại Công ty, ông Choi C nhờ chúng tôi đứng tên trên giấy tờ đăng ký kinh doanh với tư cách là thành viên công ty, nhưng thực chất chúng tôi không góp tiền cũng không có cổ phần gì trong Công ty. Hiện tại Công ty còn nợ tiền lương của chúng tôi nên từ tháng 9 năm 2020 tới nay, chúng tôi không liên lạc được với ông Choi C, không biết ông Choi C đang ở đâu để yêu cầu Công ty thanh toán tiền lương cho chúng tôi.

Việc ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty M, chúng tôi có biết nhưng vì đại diện của Công ty M và đại diện của Công ty I đều là người Hàn Quốc cho nên hai người đại diện bàn bạc với nhau như thế nào chúng tôi không được rõ.

Vì quyền lợi của chúng tôi trong Công ty I không có nên chúng tôi cũng không có nghĩa vụ đối với khoản nợ của Công ty I với Công ty M. Đề nghị Tòa án không triệu tập chúng tôi tham gia tố tụng trong vụ án, Còn việc Công ty nợ lương chúng tôi sẽ tìm đại diện công ty để đòi nợ không liên quan trong vụ án này.

TẠI PHIÊN TÒA

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết việc tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa để yêu cầu Công ty I thanh toán cho Công ty M toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi theo các Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/I-M/20 ngày 01/02/2020 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ gày 24/05/2020 được ký kết giữa hai bên là: 730.490.822 đồng. Trong đó, số tiền mà Công ty I phải thanh toán tính đến ngày 11/09/2020 theo biên bản xác nhận công nợ số

001/20/BBĐCCN là 582.064.400 đồng nợ gốc và tiền lãi chậm trả từ ngày 12/09/2020 đến ngày xét xử (14/07/2023) là 148.426.422 đồng. Đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn (ông Choi C) và những người liên quan đều vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc nên không có ý kiến trình bày.

PHẦN TRANH LUẬN TẠI PHIÊN TÒA

Tại phiên tòa các đương sự không tranh luận gì thêm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật cần giải quyết, tư cách những người tham gia tố tụng; Đảm bảo điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ đúng trình tự và đầy đủ. Các đương sự, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Ngày 26/10/2021, Công ty M nộp đơn khởi kiện Công ty I về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa để yêu cầu Công ty I thanh toán cho Công ty M toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi theo các Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/I-M/20 ngày 01/02/2020 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 24/05/2020 được ký kết giữa hai bên. Theo biên bản xác nhận công nợ số; 001/20/BBĐCCN được hai bên ký nhận có số tiền là 582.064.400 đồng. nợ gốc. Nay Công ty M yêu cầu khoản tiền lãi chậm trả từ ngày 12/09/2020 đến ngày 14/07/2023 là 148.426.422 đồng là có căn cứ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Công ty M không phải nộp án phí sơ thẩm. Công ty I phải chịu án phí KDTM sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Ngày 26/10/2021, Công ty M nộp đơn khởi kiện Công ty I về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa để yêu cầu Công ty I thanh toán cho Công ty M toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi theo các Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/I-M/20 ngày 01/02/2020 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 24/05/2020 được ký kết giữa hai bên là: 625.719.230 đồng.

Tòa án xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là Công ty I có trụ sở tại số số 18 N, phường T, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Vì vậy khi Công ty M khởi kiện, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để giải quyết là phù hợp với quy định điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Choi C vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa không có lý do. Mặc dù được Tòa án tổng đặt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định, nhưng không có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Sơn và bà Phạm Thị Mỹ Hạnh, từ chối tham gia tố tụng.

Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi liên quan là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng:

Ngày 01/02/2020, Công ty M đã ký kết Hợp đồng mua bán hàng hoá số 01/I-M/20 với Công ty I (Tài liệu số 01). Theo đó, Công ty M sẽ bán và Công ty I các phụ kiện Gang – Form cho dự án trụ sở V, G, Hà Nội với giá trị hợp đồng là: 1.622.826.868 đồng. (Theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng số 01/I-M/20)

Tại Điều 4 của hợp đồng số 01/I-M/20 quy định: “30% giá trị hoá đơn cho tiền đặt cọc người mua sẽ thanh toán vào ngày 18 tháng 2 năm 2020, 70% còn lại của giá trị hoá đơn cho mỗi lô hàng sẽ được Người mua thanh toán sau 60 ngày sau khi nhận tất cả hàng hoá và chứng từ có liên quan tại chỗ cho mỗi lô hàng”.

Ngày 24/05/2020, hai bên ký kết phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ. Theo đó, hai bên thoả thuận thống nhất điều chỉnh giá của một số mặt hàng. Theo đó “Đơn giá của mặt hàng được thay đổi kể từ ngày ký phụ lục trên, các nội dung khác trong hợp đồng được giữ nguyên, không thay đổi”. (Quy định tại Điều 1 của phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/20).

Như vậy, hợp đồng được hai bên tự nguyện ký kết, các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực trách nhiệm như quy định của Điều 24 Luật Thương mại. Vì vậy, xác định hợp đồng số 01/I-M/20 được hai công ty ký ngày 01/02/2020 là có giá trị và các bên cùng có nghĩa vụ thực hiện.

[3.2] Quá trình thực hiện hợp đồng:

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty M đã nghiêm chỉnh thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung thoả thuận.

Ngày 11/09/2020, hai bên đã ký kết Biên bản xác nhận công nợ số: 001/20/BBĐCCN. (Tài liệu số 03). Tại mục 3 của phụ lục hợp đồng thể hiện như sau: Tính đến hết ngày 11/09/2020 Công ty I (bên A) còn phải thanh toán cho Công ty M (Bên B) số tiền là: 582.064.400 đồng.

Tuy nhiên, kể từ ngày hai bên chốt công nợ với nhau cho đến nay, Công ty I đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho Công ty M, mặc dù Công ty M đã tìm mọi cách để liên hệ yêu cầu Công ty I thực hiện nghĩa vụ thanh toán (như gọi điện thoại, gửi công văn,...) nhưng không có kết quả.

Việc Công ty I đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán, không tôn trọng thoả thuận giữa hai bên, vi phạm pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty M, nên Công ty M khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

a/ Về trách nhiệm thanh toán: Quá trình giải quyết vụ án Công ty M yêu cầu Công ty I thanh toán số tiền nợ gốc là 582.064.400 đồng (Năm trăm tám mươi hai triệu không trăm sáu mươi tư ngàn bốn trăm đồng). Căn cứ biên bản xác nhận công nợ số: 001/20/BBĐCCN ngày 11/09/2020 được hai bên đã ký nên xác nhận số nợ mà Công ty I còn nợ Công ty M tính đến ngày 11/9/2020 số tiền nợ gốc là 582.064.400 đồng là có căn cứ phù hợp quy định tại các điều 50, 55 Luật Thương mại nên được chấp nhận và buộc Công ty I trả Công ty M nợ gốc là 582.064.400 đồng.

b/ Về yêu cầu tiền lãi chậm trả: Do Công ty I chậm thanh toán tiền gốc là: 582.064.400 đồng (Năm trăm tám mươi hai triệu không trăm sáu mươi tư ngàn bốn trăm đồng) nên Công ty I phải thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 12/09/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, là có căn cứ. Trong Hợp đồng và bản xác nhận công nợ hai bên không có thỏa thuận về lãi. Nay Công ty M yêu cầu tính lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tại thời điểm hiện tại là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ theo quyết định số 2868/Q Đ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về mức lãi suất cơ bản. Theo đó, mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là: 9,0%/năm. Tức là 0.75%/tháng.

Thời gian tính lãi, tính từ ngày 12/09/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, và số lãi được tính cụ thể như bản tính lãi Công ty M cung cấp là có căn cứ và buộc Công ty I phải thanh toán tiền lãi là 148.426.422 đồng.

Như vậy, Công ty I phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty M tổng số tiền là 730.490.822 đồng (bao gồm tiền nợ gốc là 582.064.400 đồng lãi chậm trả là 148.426.422 đồng)

Việc Công ty M buộc bị đơn tiếp tục chịu lãi suất đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc là có căn cứ nên được chấp nhận.

4/ Nguyên đơn không phải chịu án phí KDTM sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

5/ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 24; 50; 55 Luật thương mại;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M đối với Công ty TNHH I về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

2. Buộc Công ty TNHH I thanh toán cho Công ty TNHH M toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi theo các Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/I-M/20 ngày 01/02/2020 và Phụ lục

hợp đồng số 01/PLHD ngày 24/05/2020 được ký kết giữa hai bên là 730.490.822 đồng (bao gồm tiền nợ gốc là 582.064.400 đồng lãi chậm trả đến ngày xét xử sơ thẩm là 148.426.422 đồng).

Buộc Công ty TNHH I tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định. Thời gian tính lãi được tính từ ngày 15/7/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Công ty TNHH I nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 33.219.633 đồng,

Công ty TNHH M không phải chịu án phí KDTM sơ thẩm. Hoàn trả Công ty TNHH M số tiền 13.500.000 đồng tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số AA/2020/0018135 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, họ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, họ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lương